TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 67/2019/QĐST- HNGĐ	*Phước Long, ngày 25 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc: ***"ly hôn và nuôi con chung"***, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị **Nguyễn Thị Mỹ N** – sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: anh **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp L, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Văn B xác định anh chị có một con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T - sinh ngày XX/YY/2015, hiện tại chị N đang nuôi con chung. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh B như sau: sau khi ly hôn chị N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T - sinh ngày XX/YY/2015. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị N đảm bảo điều kiện kinh tế nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ, chị N tự nguyện nộp. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000đ tại lai thu số 0014005 ngày 17/4/2019 được chuyển thu án phí 150.000đ; chị N được hoàn nhận lại 150.000đ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm